

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM**

Công ty:	Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An
Mã chứng khoán:	TAC
Địa chỉ trụ sở chính:	48/5 Phan Huy Ích – Phường 15 – Quận Tân Bình – TPHCM
Điện thoại:	(08) 38 153 972
Fax:	(08) 38 153 649
Người thực hiện công bố thông tin:	Vũ Đức Thịnh
Địa chỉ:	
Điện thoại di động:	
Điện thoại cơ quan:	
Loại thông tin công bố	<input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> 72 giờ <input type="checkbox"/> bất thường <input type="checkbox"/> theo yêu cầu <input checked="" type="checkbox"/> định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

- Công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý IV năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20 /01/2017 tại đường dẫn www.tuongan.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý IV.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



TRẦN LỆ NGUYỄN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.035.437.560.726	1.049.673.437.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	349.902.332.846	63.853.705.232
1. Tiền	111		28.902.332.846	63.853.705.232
2. Các khoản tương đương tiền	112		321.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	255.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	255.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.293.525.685	87.486.275.024
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114.601.389.672	82.895.433.205
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	881.015.250	1.274.730.524
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	811.120.763	3.316.111.295
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		541.756.313.649	609.292.126.278
1. Hàng tồn kho	141	V.6	542.987.697.684	621.856.409.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(1.231.384.035)	(12.564.283.711)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.485.388.546	34.041.331.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.486.777.344	1.366.555.395
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.722.396.150	32.044.390.728
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	276.215.052	630.385.017
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.445.081.120	176.308.899.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		138.018.427.809	170.792.917.968
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	127.756.443.009	151.765.989.805
- Nguyên giá	222		497.093.593.119	486.786.288.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(369.337.150.110)	(335.020.299.053)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.261.984.800	19.026.928.163
- Nguyên giá	228		14.191.924.331	33.490.882.138
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.929.939.531)	(14.463.953.975)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.952.447.591	2.374.435.027
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.952.447.591	2.374.435.027
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.824.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	-	1.824.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.474.205.720	1.317.546.031
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	8.945.168.260	711.483.891
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	9.529.037.460	606.062.140
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.193.882.641.846	1.225.982.336.700

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		707.487.802.152	778.325.187.365
I. Nợ ngắn hạn	310		707.487.802.152	778.325.187.365
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	236.646.310.032	332.291.167.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	14.816.097.737	9.589.710.171
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16.289.384.495	4.905.758.098
4. Phải trả người lao động	314		38.382.164.498	26.492.841.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	33.277.358.436	2.861.768.151
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.776.818.250	3.562.595.160
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	350.523.774.208	395.404.167.115
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	12.180.897.222	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.594.997.274	3.217.179.493
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		486.394.839.694	447.657.149.335
I. Vốn chủ sở hữu	410		486.394.839.694	447.657.149.335
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	189.802.000.000	189.802.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		189.802.000.000	189.802.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	127.497.146.427	120.523.149.443
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	18.980.200.000	18.980.200.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	150.115.493.267	118.351.799.892
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		83.166.564.416	118.351.799.892
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		66.948.928.851	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.193.882.641.846	1.225.982.336.700

naikae

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2016

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.093.258.232.835	949.330.350.069	3.995.040.191.032	3.595.191.761.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	14.780.978.126	800.927.007	17.112.198.980	1.797.173.810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1b	1.078.477.254.709	948.529.423.062	3.977.927.992.052	3.593.394.587.425
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	979.070.005.571	876.112.205.733	3.603.759.875.433	3.240.464.495.826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.407.249.138	72.417.217.329	374.168.116.619	352.930.091.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.331.402.886	6.227.272.382	18.693.613.252	14.974.314.171
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.196.128.671	3.093.837.009	16.547.280.273	11.181.525.261
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.924.017.404	3.054.751.747	16.010.915.372	9.035.791.095
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	56.248.378.972	46.636.114.798	224.458.410.617	226.236.308.135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.150.845.441	9.777.321.466	70.027.190.718	44.898.353.377
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.143.298.940	19.137.216.438	81.828.848.263	85.588.218.997
11. Thu nhập khác	31	VI.8	507.355.604	876.029.262	2.011.987.004	1.698.116.942
12. Chi phí khác	32		-	-	66.500	-
13. Lợi nhuận khác	40		507.355.604	876.029.262	2.011.920.504	1.698.116.942
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.650.654.544	20.013.245.700	83.840.768.767	87.286.335.939
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11.475.798.605	4.513.154.325	25.814.815.236	17.427.545.643
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(8.982.385.549)	59.410.228	(8.922.975.320)	118.820.457
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.157.241.488</u>	<u>15.440.681.147</u>	<u>66.948.928.851</u>	<u>69.739.969.839</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	406	692	3.351	3.388
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	406	692	3.351	3.388

TP. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
 Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
 Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Mẫu số B03a-DN

Ban hành theo

TT 200/2014/TT-BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.840.768.767	87.286.335.939
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.7,8	35.281.798.945	32.956.799.569
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(11.332.899.676)	960.822.697
- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các KMTT có gốc NT	04	VI.5	(636.913)	8.352.035
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.448.505.553)	(14.186.544.448)
- Chi phí lãi vay	06		16.010.915.372	9.035.791.095
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112.351.440.942	116.061.556.887
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.911.469.633)	(23.499.867.476)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		78.868.712.305	17.555.323.246
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(32.681.073.676)	(67.032.889.475)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(553.910.843)	(1.276.280.771)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.954.656.054)	(8.948.576.388)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(18.852.170.956)	(24.251.174.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	790.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(5.057.180.711)	(4.749.129.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		92.209.691.374	3.859.752.474
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.068.600.548)	(17.762.271.561)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V2a	(131.000.000.000)	(423.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V2a	386.000.000.000	168.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V2b	3.840.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.731.058.332	12.807.852.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		261.502.457.784	(259.954.418.782)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	2.405.273.643.359	2.220.039.917.676
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(2.450.154.036.266)	(2.136.445.466.022)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(22.783.765.550)	(58.821.948.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(67.664.158.457)	24.772.503.204
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		286.047.990.701	(231.322.163.104)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63.853.705.232	295.184.220.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	636.913	(8.352.035)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	349.902.332.846	63.853.705.232

TP. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2017



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh miền Bắc tại Hưng Yên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Văn phòng đại diện tại TP. Hà Nội	Ô 32, Lô 10, Khu DD Đền Lừ 1, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Văn phòng đại diện tại TP. Đà Nẵng	08 Mai Hắc Đế, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Văn phòng đại diện Miền Tây	Khu DC 91B, KV 6, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành, quản lý đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Việc lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm; trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao. Riêng quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	410.032.641	1.489.224.474
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.492.300.205	62.364.480.758
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	321.000.000.000	-
Cộng	<u>349.902.332.846</u>	<u>63.853.705.232</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty đã mua 192.000 cổ phiếu tương đương 2,4% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật. Trong năm 2016, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư này cho Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP với giá bán 20.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

KH chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ EB	9.230.331.691	8.958.951.421
Công ty cổ phần UNIBEN	13.064.537.300	14.188.276.300
Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô VN	16.764.033.000	7.591.961.300
Các khách hàng khác	75.542.487.681	52.156.244.184
Cộng	114.601.389.672	82.895.433.205

Phải thu bên liên quan:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ki Do	-	246.000.905
Công ty cổ phần Tập đoàn Ki Do	4.611.314.840	-
Các khách hàng khác	109.990.074.832	82.649.432.300
Cộng	114.601.389.672	82.895.433.205

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên:

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Thương mại Mai Phương	72.312.000	-
Công ty TNHH Chung Phát - Hưng Yên	436.248.000	436.248.000
Công ty TNHH MTV DV Cơ Khí Huỳnh Bằng	222.455.250	-
Trả trước cho người bán khác	50.000.000	838.482.524
Cộng	881.015.250	1.274.730.524

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	513.625.000	-	3.298.552.779	-
Tạm ứng	3.000.000	-	17.558.516	-
Bồi thường bảo hiểm rủi ro TS	293.295.763	-	-	-
Phải thu khác	1.200.000	-	-	-
Cộng	811.120.763	-	3.316.111.295	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	5.667.859.791,00	-	1.544.380.623	-
Nguyên liệu, vật liệu	361.159.099.949	-	442.903.862.959	(5.903.212.070)
Công cụ, dụng cụ	675.430.775	-	533.587.816	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.445.059.020	-	72.844.470.815	(1.485.624.970)
Thành phẩm	124.077.325.310	(1.231.384.035)	91.414.660.584	(5.175.446.671)
Hàng hóa	1.962.922.839	-	12.615.447.192	-
Cộng	542.987.697.684	(1.231.384.035)	621.856.409.989	(12.564.283.711)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	172.689.584.289	302.592.725.272	9.357.632.136	2.146.347.161	486.786.288.858
Tăng do mua sắm mới	-	357.790.050	538.000.000	465.793.365	1.361.583.415
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.900.561.823	4.045.159.023	-	-	8.945.720.846
Giảm trong năm					-
Số cuối kỳ	177.590.146.112	306.995.674.345	9.895.632.136	2.612.140.526	497.093.593.119
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.757.404.041	74.582.967.107	3.542.777.907	1.925.490.161	100.808.639.216
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	98.727.741.863	228.241.637.391	6.039.459.052	2.011.460.747	335.020.299.053
Khấu hao trong năm	14.103.316.415	19.087.367.332	988.533.532	137.633.778	34.316.851.057
Số cuối năm	112.831.058.278	247.329.004.723	7.027.992.584	2.149.094.525	369.337.150.110
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	73.961.842.426	74.351.087.881	3.318.173.084	134.886.414	151.765.989.805
Số cuối năm	64.759.087.834	59.666.669.622	2.867.639.552	463.046.001	127.756.443.009

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong kỳ do kết chuyển sang CP chờ PB	(19.298.957.807)	-	(19.298.957.807)
Số cuối năm	13.671.924.331	520.000.000	14.191.924.331
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.943.953.975	520.000.000	14.463.953.975
Khấu hao trong năm	964.947.888	-	964.947.888
Giảm trong kỳ do kết chuyển sang CP chờ PB	(11.498.962.332)	-	(11.498.962.332)
Số cuối năm	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.026.928.163	-	19.026.928.163
Số cuối năm	10.261.984.800	-	10.261.984.800

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Đường ống dẫn dầu, hệ thống điện cho xưởng thành phẩm Vinh	980.686.417	115.326.661	(1.096.013.078)	-	-
Máy chiết chai 250ml	10.242.675	962.916.888	(973.159.563)	-	-
Dây chuyền magnesol	-	1.605.734.755	-	-	1.605.734.755
Các công trình khác	1.383.505.935	7.015.779.734	(6.876.548.205)	(1.176.024.628)	346.712.836
Cộng	2.374.435.027	9.699.758.038	(8.945.720.846)	(1.176.024.628)	1.952.447.591

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ phụ tùng phân bổ trên 12 tháng	1.145.172.785	711.483.891
Tiền thuê đất tại KCN Phú Mỹ	7.799.995.475	-
Cộng	8.945.168.260	711.483.891

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	606.062.140	724.882.597
Phát sinh trong năm	9.041.795.777	-
Hoàn nhập trong năm	(118.820.457)	(118.820.457)
Số cuối năm	9.529.037.460	606.062.140

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP	176.115.513.888	282.838.056.468
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	411.870.646	431.323.200
Các nhà cung cấp khác	60.118.925.498	49.021.787.510
Cộng	236.646.310.032	332.291.167.178

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

KH chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Veng Seng Group Co., Ltd	-	2.911.747.080
Các khách hàng khác	14.816.097.737	6.677.963.091
Cộng	14.816.097.737	9.589.710.171

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
Phải nộp	Phải	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	27.804.951.875	(27.804.951.875)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	52.862.993.675	(52.862.993.675)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.088.263.869	(11.088.263.869)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.513.154.325	-	25.814.815.236	(18.852.170.956)	11.475.798.605
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	-	630.385.017	1.883.495.750	(1.506.662.983)	253.552.250
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên	392.553.773	-	752.455.424	(1.129.271.097)	15.738.100
Thuế tài nguyên	50.000	-	636.000	(630.000)	56.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	7.744.769.758	(2.946.977.968)	4.797.791.790
Các loại thuế khác	-	-	199.493.510	(222.156.312)	- 22.662.802
Cộng	4.905.758.098	630.385.017	128.151.875.097	(116.414.078.735)	16.289.384.495 276.215.052

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	249.276.772	193.017.454
Chi phí trích trước phải trả	33.028.081.664	2.626.261.397
Chi phí khác phải trả	-	42.489.300
Cộng	33.277.358.436	2.861.768.151

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.657.119.350	1.283.839.610
Nhận ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	2.201.800.000
Cổ tức phải trả	69.053.000	76.578.550
Phải trả ngắn hạn khác	645.900	377.000
Cộng	1.776.818.250	3.562.595.160

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	272.523.774.208	355.404.167.115
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	78.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - HCM ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	350.523.774.208	395.404.167.115
-------------	------------------------	------------------------

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 262/KH/115NH ngày 01 tháng 12 năm 2015 và bản sửa đổi số 01/CV-0262/KH/15NH ngày 01 tháng 12 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND.
 - Thời gian vay : tối đa 06 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
 - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15.2120042/HĐHMTD ngày 17 tháng 9 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND.
 - Thời gian vay : tối đa 04 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
 - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Tài sản đảm bảo : Tín chấp

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

18. Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc phải trả cho người lao động theo qui định của Luật lao động.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.470.159.722	4.272.665.661	(4.771.345.000)	971.480.383
Quỹ phúc lợi	1.747.019.771	1.162.332.831	(285.835.711)	2.623.516.891
Cộng	3.217.179.493	5.434.998.492	(5.057.180.711)	3.594.997.274

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN – CTCP	51.246.520.000	27%	96.799.000.000	51%
Công ty cổ phần Tập đoàn Ki Do	123.371.300.000	65%	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	15.184.180.000	8%	93.003.000.000	49%
	189.802.000.000	100%	189.802.000.000	100%

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 3.026,43 USD (số đầu năm là 432.273,14 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.088.365.792.143	947.048.291.528
Doanh thu khác	4.892.440.692	2.282.058.541
Cộng	1.093.258.232.835	949.330.350.069

Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.073.584.814.017	946.247.364.521
Doanh thu khác	4.892.440.692	2.282.058.541
Cộng	1.078.477.254.709	948.529.423.062

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Tập đoàn Ki Do	4.192.104.400	-
Công ty TNHH MTV Ki Do	-	3.030.221.300
Công ty CP dầu thực vật Tân Bình	492.468.750	329.995.000
Cộng	4.684.573.150	3.360.216.300

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	(10.151.036.020)	-
Hàng bán bị trả lại	(4.629.942.106)	(800.927.007)
Cộng	(14.780.978.126)	(800.927.007)

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	969.099.975.688	874.938.052.617
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16.875.179.316	11.151.142.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.905.149.433)	(9.976.989.787)
Cộng	979.070.005.571	876.112.205.733

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.183.135.164	5.792.583.316
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	147.630.809	242.689.066
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	636.913	-
Cộng	5.331.402.886	6.227.272.382

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.924.017.404	3.054.751.747
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	272.111.267	30.733.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.352.035
Cộng	4.196.128.671	3.093.837.009

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.564.229.049	5.594.839.704
Chi phí vật liệu, bao bì	1.034.453.926	201.451.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.300.414	144.953.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.148.997.251	16.752.580.132
Các chi phí khác	15.355.398.332	23.942.290.064
Cộng	56.248.378.972	46.636.114.798

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.968.124.521	4.547.506.014
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	511.302.148	343.935.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.004.668	257.881.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.111.857.891	1.710.777.414
Các chi phí khác	22.322.556.213	2.917.220.565
Cộng	33.150.845.441	9.777.321.466

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Nhập dư nguyên liệu, hàng hóa, bao bì	472.156.151	656.722.282
Thu phạt chậm thực hiện hợp đồng	-	154.529.345
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	31.606.465	-
Thu nhập khác	3.592.988	64.777.635
Cộng	507.355.604	876.029.262

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.157.241.488	15.440.681.147
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.459.057.836)	(1.662.881.774)
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(651.527.097)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.698.183.652	13.126.272.276
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	406	692

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giảm trên 10% so với cùng kỳ:

- Chi phí bán hàng tăng nên lợi nhuận kế toán sau thuế giảm.

- Trong kỳ, Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động nên chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, lợi nhuận sau thuế giảm.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.084.617.147.509	952.004.979.243
Chi phí nhân công	57.616.301.297	22.025.558.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.892.218.074	8.712.341.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.756.855.636	23.239.897.029
Chi phí khác	37.840.242.787	26.859.510.628
Cộng	<u>1.222.722.765.303</u>	<u>1.032.842.286.660</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban tổng giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP	Công ty liên kết (thuộc tập đoàn KiDo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật
Công ty TNHH MTV Ki Do

Công ty thuộc tập đoàn KiDo
Công ty thuộc tập đoàn KiDo

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VI.1b, các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP		
Chia cổ tức	-	-
Bán cổ phiếu VPK	-	-
Mua nguyên liệu	828.224.133.705	682.481.237.190

Công ty cổ phần Bao bì dầu thực vật

Mua bao bì, chi phí gia công phải trả 1.425.974.810 1.921.610.040

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.12

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất dầu thực vật và phần lớn hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	120.523.149.443	18.980.200.000	108.620.450.053	437.925.799.496
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	69.739.969.839	69.739.969.839
Chi thương BĐH, HĐQT	-	-	-	(1.170.000.000)	(1.170.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(58.838.620.000)	(58.838.620.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	120.523.149.443	18.980.200.000	118.351.799.892	447.657.149.335
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	120.523.149.443	18.980.200.000	118.351.799.892	447.657.149.335
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	66.948.928.851	66.948.928.851
Trích lập các quỹ	-	6.973.996.984	-	(10.460.995.476)	(3.486.998.492)
Chia cổ tức	-	-	-	(22.776.240.000)	(22.776.240.000)
Chi thường Ban điều hành, HĐQT	-	-	-	(1.948.000.000)	(1.948.000.000)
Số dư cuối năm	189.802.000.000	127.497.146.427	18.980.200.000	150.115.493.267	486.394.839.694

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2017